

Bản án số: 72/2022/DS - ST

Ngày: 20/7/2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 – TP. HỒ CHÍ MINH**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thủy Tiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị Tuyết Mai

2. Bà Đinh Kim Hoàng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Mỹ Chi – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 4

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Kiểm sát viên

Trong ngày 20 tháng 7 năm 2022, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 132/2021/TLST- DS ngày 03 tháng 12 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định hoãn phiên tòa số 368/2022/QĐST – DS ngày 29 tháng 6 năm 2022 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 369/2022/QĐXX - ST ngày 29 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thị Kim L, sinh năm 1970

Địa chỉ: đường A, Phường B, Quận C, Tp. Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Nguyễn Văn T và ông Trần Văn T – là đại diện theo ủy quyền – Giấy ủy quyền số công chứng 000711, quyền số 05/2022.TP/CC –SCC/HĐGD ngày 12/5/2022

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng M, sinh năm 1965

HKTT: đường D, Phường E, Quận F, Tp. Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/10/2021, bản tự khai và các biên bản làm việc tiếp sau đó, Nguyên đơn bà Dương Thị Kim L và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày như sau:

Ngày 28/01/2019, do có quan hệ quen biết nên khi bà M có nhu cầu vay tiền bà L đã cho bà Mai vay số tiền là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay là 02 năm tính từ thời gian là 28/01/2019 đến 28/01/2021 là hết hạn, phương thức vay bằng tiền mặt, việc giao nhận tiền vay được thực hiện ngay sau khi hai bên ký hợp đồng vay tại Văn phòng công chứng. Việc giao nhận tiền vay do hai bên tự thực hiện ngoài sự chứng kiến của công chứng viên và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật. Ngay sau khi ký hợp đồng bà L đã giao đủ tiền mặt cho bà M, chỉ có bà L và bà M thực hiện giao nhận tiền không có ai làm chứng vì bà L tin tưởng bà M là người uy tín. Cụ thể Hợp đồng vay tiền số công chứng 000636/2019/CCBH, quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày

28/01/2019 lập tại Văn phòng công chứng B. Khi cho vay hai bên không có thỏa thuận lãi suất và thực tế bà L không nhận được số tiền lãi nào từ bà M. Sau khi hết thời hạn vay như thỏa thuận tại hợp đồng bà L đã nhiều lần gọi điện thoại yêu cầu bà M trả số tiền nợ nhưng bà M không trả mà cố tình né tránh và bây giờ là bà L tìm khắp nơi nhưng không biết chính xác nơi bà M đang ở. Vì quá hạn vay đã lâu nên nay bà L yêu cầu bà M phải trả lại cho bà toàn bộ số tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi chậm trả tạm tính từ khi hết hạn hợp đồng tháng 02/2021 đến tháng 07/2022 là 17 tháng, lãi suất 10%/năm = 35.275.000 đồng. Tổng cộng là 285.275.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực, bà M còn phải trả lãi chậm trả đến khi bà M thanh toán xong khoản nợ theo quy định pháp luật. Bà L xác nhận số tiền này là của cá nhân bà cho bà M vay không liên quan tới chồng bà, bà Loan chỉ cho cá nhân bà M vay, bà Mai có chồng hay không bà L không biết, bà L chỉ yêu cầu cá nhân bà M có trách nhiệm trả số tiền trên, không yêu cầu đưa thêm người vào tham gia tố tụng.

Ông Nguyễn Thanh H là chồng của L trình bày: Số tiền 250.000.000 đồng vợ ông cho bà M vay là số tiền riêng của bà L cho nên vợ ông toàn quyền đứng ra giải quyết. Ông H cam kết không có khiếu nại gì.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng M đã được triệu tập và tổng đạt trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án và đã niêm yết hợp lệ Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn nên Tòa án không thu thập được chứng cứ gì từ phía bị đơn.

Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường B, Quận C “Đ/s Nguyễn Thị Hồng M, sinh ngày 04/7/1965, có hộ khẩu thường trú tại đường A, Phường B, Quận C, Tp. Hồ Chí Minh. Hiện nay, nhà đã bán đương sự M không còn cư trú tại địa phương từ năm 2010 đến nay. Đương sự M từng cư ngụ Đường số G Khu dân cư B, huyện H, Tp. Hồ Chí Minh. Hiện nay, không nắm được tình trạng hôn nhân của đương sự M”.

Căn cứ kết quả xác minh của Công an xã B, huyện H, Tp. Hồ Chí Minh “Đ/s Nguyễn Thị Hồng M sinh năm 1965 không còn cư trú tại Đường T, xã B, huyện H, Tp. Hồ Chí Minh. Hiện nay không biết bà M ở đâu, làm gì.”

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Văn T có mặt; phía bị đơn Bà Nguyễn Thị Hồng M vắng mặt lần thứ hai, không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Việc Tòa án thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý và giải quyết vụ án đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Về nội dung của vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Bà Dương Thị Kim L có đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị Hồng M yêu cầu trả tiền nợ vay. Căn cứ Hợp đồng vay tiền số công chứng 000636/2019/CCBH, quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/01/2019 tại Văn phòng công chứng B thì có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bà M đã xác lập quan hệ vay tiền. Do đó, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà M trả số tiền nợ vay gồm nợ gốc và lãi chậm trả đây là vụ án dân sự “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Đồng thời, căn cứ vào kết quả

xác minh của Công an Phường B, Quận C và Công an xã B, huyện H, Tp. Hồ Chí Minh. Theo đơn khởi kiện, thì người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng M nhưng bà M không có nơi cư trú ổn định, thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú...thì Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân Quận 4 có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Văn T có mặt; bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng M vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai, không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

Xét, đề nghị của nguyên đơn chỉ yêu cầu cá nhân bà M có trách nhiệm trả khoản nợ, không yêu cầu đưa thêm người vào tham gia tố tụng là tự nguyện và không trái pháp luật nên chấp nhận.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Đối với số tiền nợ gốc và lãi: Căn cứ vào Hợp đồng vay tiền số công chứng 000636/2019/CCBH, quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/01/2019 tại Văn phòng công chứng B do nguyên đơn cung cấp, lời khai và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thì có đủ cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bà Nguyễn Thị Hồng M có quan hệ vay tiền. Phía Nguyên đơn đã cho bà M vay số tiền là 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) “..thời hạn vay là 02 năm tính từ thời gian là 28/01/2019 đến 28/01/2021 là hết hạn, phương thức vay bằng tiền mặt, việc giao nhận tiền vay được thực hiện ngay sau khi hai bên ký hợp đồng vay tại Văn phòng công chứng. Việc giao nhận tiền vay do hai bên tự thực hiện ngoài sự chứng kiến của công chứng viên và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.. Khi cho vay hai bên không có thỏa thuận lãi suất”. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ đã lâu nhưng bà M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ tháng 02/2021 đến tháng 07/2022 với mức lãi suất 10%/năm cụ thể gồm: 17 tháng x 0.83%/tháng x 250.000.000 đồng = 35.275.000 đồng. Tổng cộng là 285.275.000 đồng (hai trăm tám mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn đồng). Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà M trả toàn bộ số tiền nợ trên và trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Căn cứ vào các Điều 357; Điều 463; Điều 466 Bộ luật Dân sự có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2017, việc bà L yêu cầu bà M trả số tiền nợ gốc và nợ lãi là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thị Hồng M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 14.263.750 đồng (mười bốn triệu hai trăm sáu mươi ba ngàn bảy trăm năm mươi đồng)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm e khoản 1 Điều 192; Điều 203, Điều 220, Điều 227 và khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2017;

- Căn cứ Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Kim L .

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng M có trách nhiệm trả cho bà Dương Thị Kim L số tiền nợ tạm tính đến tháng 07/2022 gồm: nợ gốc là 250.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả mức lãi suất 10%/năm cụ thể gồm: 17 tháng x 0.83%/tháng x 250.000.000 đồng = 35.275.000 đồng. Tổng cộng là 285.275.000 đồng (hai trăm tám mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) Theo Hợp đồng vay tiền số công chứng 000636/2019/CCBH, quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/01/2019 lập tại Văn phòng công chứng B

Thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Hồng M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 14.263.750 đồng (mười bốn triệu hai trăm sáu mươi ba ngàn bảy trăm năm mươi đồng)

Hoàn trả cho bà Dương Thị Kim L số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 6.875.000 đồng (sáu triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008538 ngày 17/11/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 4.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTp. HCM;
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 4;
- Chi cục THADS Quận 4;
- Lưu VP – HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Thị Thủy Tiên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hồ Thị Thủy Tiên

Nơi nhận:

- TANDTp. HCM;
- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 4;
- Chi cục THADS Quận 4;
- Lưu VP – HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hồ Thị Thủy Tiên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Huỳnh Tấn Phát

